

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
Tỉnh Thái Bình**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 11/01/2023

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Linh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Quảng.

2. Bà Tô Thị Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa:* Bà Trần Quỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 158/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2022 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXX- ST ngày 09/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị P, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện H, Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện H, Thái Bình.

(Chị P, anh H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 22/10/2012. Sau khi kết hôn, chị P và anh H chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh H có quan hệ

ngoài luồng với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay chị P và anh H sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị P đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chị P được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị P và anh H có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2013 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/12/2017. Do anh H không có việc làm và chỗ ở ổn định, mặt khác bản thân anh H còn nhiều khoản nợ phải trả sau khi ly hôn. Chị P đi làm công nhân có thu nhập ổn định, bên cạnh đó chị ở cùng bố mẹ đẻ chị và mọi việc sinh hoạt cũng như học tập của các con đều do một mình chị chăm lo, nên chị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị P cam kết có đủ khả năng và điều kiện đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, chị P không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng chị P.

Về tài sản chung, công nợ: Chị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị P kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 22/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, hiện tại anh H và chị P sống ly thân. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh H, xác định vợ chồng không thể chung sống được với nhau nên anh H cũng đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh H và chị P có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2013 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/12/2017. Sau khi ly hôn anh H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng L, còn để con Nguyễn Quỳnh A cho chị P nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, công nợ: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2022 và tại phiên tòa bà Trần Thị T là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh H và chị P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị P về chung sống cùng gia đình bà 01 năm, sau đó hai vợ chồng chuyển lên thành phố Thái Bình để làm ăn, sinh sống. Trong thời gian sinh sống ở trên Thái Bình giữa anh H và chị P xảy ra mâu thuẫn, xô xát cãi chửi nhau do anh H chơi bời và có quan hệ với người khác, hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần và chị P đã cho anh H cơ hội để làm lại nhưng từ năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng càng lớn, đến cuối tháng 7 năm 2022 anh H bỏ nhà đi và không chung sống cùng chị P từ thời gian đó cho đến nay. Anh H đã ký vào đơn xin ly hôn, sau đó chị P mang đơn lên Tòa án nộp. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh H, gia đình bà mong muốn anh H và chị P đoàn tụ để các con có cả bố và mẹ, nhưng bản thân anh H là người có lỗi nên việc ly hôn là do chị P quyết định.

Về con chung: Chị P và anh H có hai con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2013 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/12/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân, hai con chung do chị P nuôi dưỡng, chăm sóc. Do anh H điều kiện kinh tế còn khó khăn, đi làm ăn xa, phải thuê nhà, không ở cùng gia đình bà, mặt khác sau khi ly hôn anh H còn phải trả rất nhiều khoản nợ, không có điều kiện để chăm sóc cho các cháu, bà Toán đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giao cháu A và cháu L cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, gia đình bà sẽ có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng các cháu cùng chị P. Khi nào anh H điều kiện kinh tế khá hơn thì anh H đón các con về nuôi sau.

Về tài sản chung: Anh H và chị P có tài sản chung nhưng đã bán hết đi để trả nợ, hiện tại tài sản chung không có gì.

Tại biên bản xác minh ngày 10/11/2022, Ủy ban nhân xã M cung cấp như sau: Chị Lê Thị P và anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình. Anh H và chị P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 22/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H. Về con chung: Anh H và chị P có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2013 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/12/2017. Về tài sản chung, nợ chung: Chính quyền địa phương không nắm được cụ thể. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa chị P và anh H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn chấp hành chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn có mặt tại Tòa án tham gia phiên tòa và trình bày quan điểm của mình tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Lê Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn H; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2013 cho chị Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/12/2017 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; Về tài chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Lê Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Lê Thị P và anh Nguyễn Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình. Tại thời điểm kết hôn, chị P và anh H đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị P và anh H chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh H vì tình cảm vợ chồng không còn. Bị đơn là anh H cũng đồng ý ly hôn với chị P. Xét thấy, hiện tại chị P và anh H không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế, cả chị P và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, hôn nhân của chị P và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, giải quyết cho chị P được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị P và anh H có hai con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2013 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/12/2017. Chị P có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị P. Anh H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng L, còn để con Nguyễn Quỳnh A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh H không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên hòa giải và phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tuy nhiên tại phiên tòa anh H đã lên Tòa án và trình bày nguyện vọng xin được nuôi con Nguyễn Hoàng L. Tại phiên tòa chị P và anh H đều không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Theo quy định tại Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình thì “Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên...”. Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có quyền thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con”. Cháu Nguyễn Quỳnh A trên 07 tuổi có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Đối với cháu Nguyễn Hoàng L trên 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị P và anh H là chính đáng, tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi

con thì chị P đang làm công nhân, làm trong giờ hành chính, công việc và thu nhập ổn định có đủ điều kiện và khả năng đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, mặt khác từ khi chị P và anh H không chung sống cùng nhau cho đến nay thì cả hai con chung đều do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H làm nghề tự do, tại phiên tòa anh H trình bày sau khi ly hôn anh Phải trả khoản nợ rất lớn, thu nhập của anh H hơn 10.000.000đồng nhưng hàng tháng anh phải trích ra để trả nợ và trả tiền thuê phòng, buổi tối anh H tranh thủ đi làm để có tiền trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Đào Thị T là mẹ đẻ anh H cũng đề nghị Tòa án giao hai con chung của chị P và anh H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng do anh H còn khó khăn, công việc và thu nhập không ổn định, chỗ ở vẫn phải đi thuê, từ khi chị P và anh H sống ly thân thì hai con chung đều do chị Phương nuôi dưỡng, mọi chi phí sinh hoạt và học tập của hai cháu chị P là người lo. Căn cứ vào quy định tại Điều 71, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và điều kiện nuôi con của chị P tốt hơn anh H cũng như tạo điều kiện về mọi mặt cho sự phát triển ổn định của cháu Nguyễn Quỳnh A và cháu Nguyễn Hoàng L. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2013 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/12/2017. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[2.3]. *Về tài sản chung, công nợ*: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.4]. *Về án phí*: Chị Lê Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2/ Về con chung: Giao cho chị Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/5/2013 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/12/2017. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Anh Nguyễn Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Lê Thị P phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002489 ngày 07/10/2022.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/01/2023).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Linh